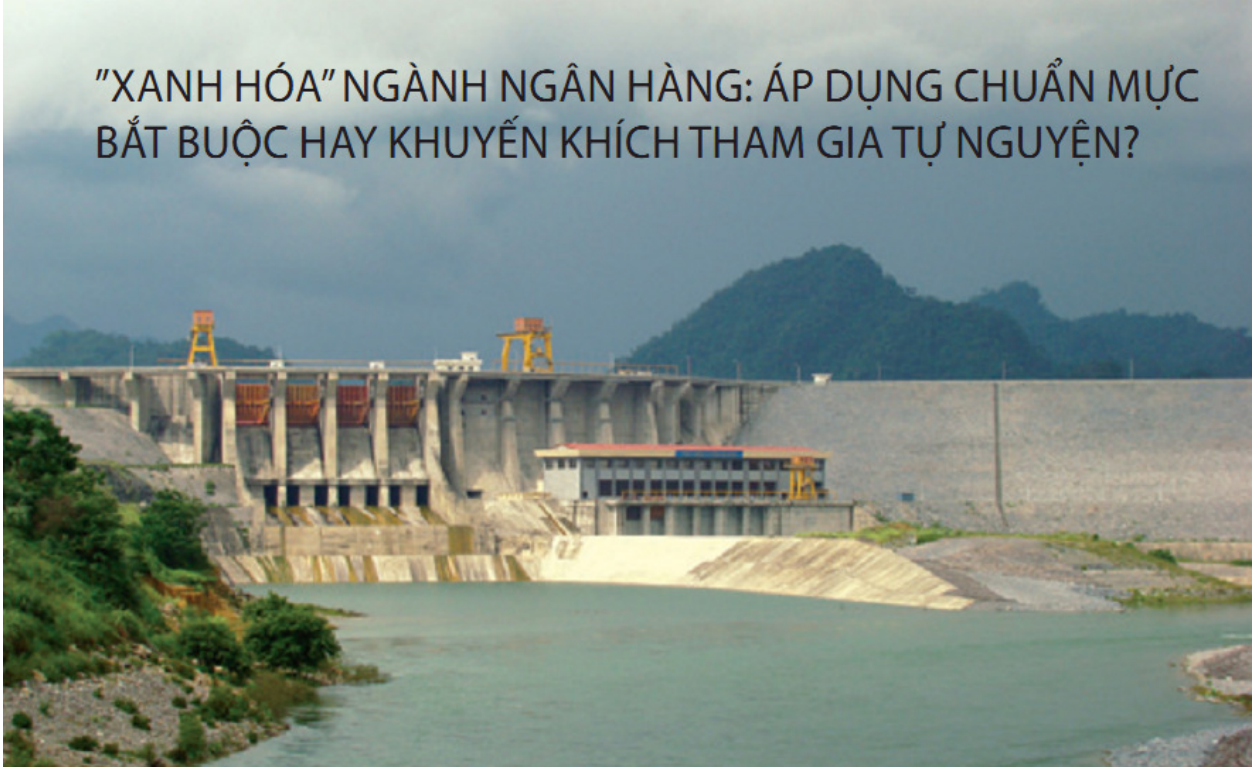


"XANH HÓA" NGÀNH NGÂN HÀNG: ÁP DỤNG CHUẨN MỰC BẮT BUỘC HAY KHUYẾN KHÍCH THAM GIA TỰ NGUYỆN?



Tại hội thảo “Quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong ngành ngân hàng” do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (SBV) phối hợp cùng Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) tổ chức vào ngày 21-22/08/2012, đại diện của SBV cho biết SBV và IFC đã ký một thỏa thuận hợp tác với mục tiêu cuối cùng là SBV sẽ đưa ra quy định về việc các ngân hàng hoạt động ở Việt Nam cần phải có trách nhiệm đối với môi trường và xã hội thông qua việc thẩm định nghiêm ngặt các dự án khi xét duyệt tín dụng. Cũng trong hội thảo này, công ty tư vấn MCG trình bày kết quả khảo sát của họ về hoạt động quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong ngành ngân hàng ở Việt Nam. Khảo sát này đóng vai trò làm cơ sở để SBV xây dựng quy định trong ngành với sự tư vấn và hỗ trợ của IFC. Theo kết quả khảo sát,

89% số ngân hàng tham gia khảo sát không biết đến bất kỳ tài liệu hướng dẫn hay tiêu chí nào về quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong ngành tài chính. 93% các ngân hàng cũng cho rằng cần phải có hướng dẫn về vấn đề này. Tuy nhiên, các ngân hàng nước ngoài đang hoạt động ở Việt Nam cho rằng SBV chỉ nên quy định về tiêu chuẩn chứ không nên quy định chi tiết về cách làm do một số ngân hàng nước ngoài đã có quy chế và quy trình đánh giá riêng. Việc thay đổi theo một quy trình mới sẽ gây ra nhiều bất tiện. Trong khi đó, các ngân hàng Việt Nam lại tỏ ý muốn có một hướng dẫn chi tiết.

Theo một nghiên cứu độc lập chưa công bố của Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature) được tiến hành

ở cùng thời điểm với khảo sát nói trên của MCG, việc các ngân hàng chưa thực sự quan tâm đến các vấn đề môi trường và xã hội trong hoạt động tín dụng không chỉ đơn giản là vì họ “không biết làm như thế nào”. Dù hầu hết các cán bộ tín dụng ngân hàng chưa được đào tạo về việc thẩm định các rủi ro môi trường và xã hội nhưng kinh nghiệm làm việc cũng ít nhiều giúp họ hình dung được những ảnh hưởng của các dự án mà họ cho vay vốn đến môi trường tự nhiên và an sinh xã hội. Tuy nhiên, những ảnh hưởng này trên thực tế chưa phải là những rủi ro quá lớn đối với ngân hàng khiến họ phải chủ động đưa ra các biện pháp phòng ngừa và bảo hộ. Một lãnh đạo cấp cao của một ngân hàng lớn ở Việt Nam cũng cho biết, thách thức lớn nhất để các ngân hàng thực hiện trách nhiệm của mình đối với môi trường, xã hội là việc đánh đổi giữa các lợi ích kinh tế từ những dự án gây tác động và việc trở thành một ngân hàng “xanh hơn” với những lợi ích còn chưa nhìn thấy được.



Trong bối cảnh hiện nay của ngành ngân hàng Việt Nam với những yêu cầu cải tổ, tái cơ cấu, và bắt đầu suy nghĩ về một tương lai bền vững hơn thay vì chỉ đầu tư “ăn xổi,” việc SBV ra một quy định chung trong toàn ngành về vấn đề trách nhiệm môi trường và xã hội có thể sẽ là một bước đà cho những ngân hàng lớn ở Việt Nam đang muốn đi tiên phong trong lĩnh vực này. Cũng theo nghiên cứu nói trên của PanNature, một rào cản đối với việc thực hiện trách nhiệm môi trường và

xã hội trong hoạt động tín dụng là do một số ngân hàng lớn cũng còn e dè chưa muốn một mình đi tiên phong.

Tuy nhiên, cách tiếp cận này của ngành ngân hàng Việt Nam, thông qua một quy định áp đặt từ trên xuống cũng không tránh khỏi có thể có những hạn chế cần phải cân nhắc. Những bài học từ chương trình “Chính sách Tín dụng Xanh” mà Trung Quốc đã thực hiện từ năm 2007 có thể cũng là kinh nghiệm quý cho Việt Nam. Chính sách này được ban hành vào tháng 07/2007 nhằm khuyến khích các ngân hàng Trung Quốc thực hiện cấp tín dụng cho các dự án ít gây ô nhiễm, thân thiện với môi trường hay sử dụng năng lượng tái tạo. Tuy nhiên, Trung Quốc đã mất gần năm năm kể từ khi bắt đầu ra chính sách cho đến khi xây dựng được một hướng dẫn tương đối chi tiết để thực hiện chính sách này (tháng 02/2012). Trước đó, một số các nghiên cứu độc lập về việc thực hiện chính sách này đều đánh giá không cao hiệu quả của nó đối với các hoạt động thực tiễn của các ngân hàng Trung Quốc. Một trong những khó khăn lớn nhất của việc thực hiện chính sách này ở Trung Quốc là việc thiếu đi một hệ thống đánh giá đáng tin cậy về các ngành nghề và các cơ sở gây ô nhiễm môi trường để làm căn cứ cho các ngân hàng phân loại dự án, đặc biệt là khi nhiều ngành gây ô nhiễm cũng đang là những ngành mang lại lợi nhuận cao cho nhiều địa phương. Cũng theo nghiên cứu này, số cơ sở gây ô nhiễm được đưa vào danh sách đen (và không thể vay vốn ngân hàng cho đến khi họ cải thiện được tình trạng gây ô nhiễm) được cho là quá ít so với số cơ sở bị phạt bởi Bộ Bảo vệ Môi trường Trung Quốc do gây ô nhiễm (38 so với 8.000 năm 2007). Nếu ngành ngân hàng Việt Nam đi theo con đường này, đây cũng sẽ là thách thức lớn nhất, đồng thời cũng có thể trở thành một lý do để các ngân hàng trì hoãn và né

tránh việc cắt giảm tín dụng cho những ngành, những cơ sở gây ô nhiễm và ảnh hưởng đến dân sinh nhưng mang lại nhiều lợi nhuận cho doanh nghiệp và cho ngân hàng.

Mỹ có lẽ là một trong những nước đầu tiên trên thế giới có quy định về trách nhiệm đối với môi trường không chỉ của doanh nghiệp gây ô nhiễm mà còn của các bên liên quan khác, trong đó có thể bao gồm cả ngân hàng cho vay vốn cho các công trình, dự án gây ô nhiễm khi thông qua Đạo luật Bồi hoàn Môi trường Toàn diện (CERCLA - Comprehensive Environmental Response, Compensation, and Liability Act) năm 1980. Mặc dù Đạo luật này có miễn trừ trách nhiệm của người cho vay (thường là các tổ chức tín dụng), nhưng những trường hợp người cho vay có tham gia một mức nhất định đến việc đảm bảo an toàn môi trường, xã hội của công trình/dự án gây ô nhiễm (ví dụ, sở hữu) thì cũng phải nộp phạt một khoản phí không nhỏ.

Năm 1990, tập đoàn tài chính Fleet Factors đã bị tòa án Mỹ ra phán quyết phải thực hiện bồi hoàn môi trường do đầu tư và có liên đới trực tiếp đến một công trình gây ô nhiễm. Đây là một vụ kiện kinh điển trong ngành tài chính Mỹ, và mặc dù gây nhiều tranh cãi vẫn khiến cho các tổ chức tín dụng sau đó phải nghiêm túc tính toán đến những rủi ro môi trường khi cho vay vốn. Bên cạnh đó, những quy định nghiêm ngặt của CERCLA về bồi hoàn môi trường cũng tác động gián tiếp đến các ngân hàng vì nếu phải bồi hoàn môi trường thì chủ đầu tư dự án sẽ mất khả năng trả nợ cho ngân hàng. Viện Quốc tế về Phát triển Bền vững (IISD) dẫn kết quả một cuộc điều tra của Hiệp hội Ngân hàng Mỹ cho biết sau vụ Fleet Factors, 63% ngân hàng ở Mỹ đã từ chối cấp vốn cho các dự án mà họ cho là

có rủi ro về môi trường và 46% trong số các ngân hàng này đã quyết định chấm dứt tài trợ cho một số ngành hay gây ô nhiễm môi trường.

Tại châu Âu, năm 1989, Ủy ban Châu Âu (EC) đưa ra một bản dự thảo Chỉ thị về Trách nhiệm Dân sự đối với những tổn hại do rác thải. Tuy nhiên, đến năm 2004, Chỉ thị này mới được chính thức đưa ra sau khi EC thu hẹp bớt những quy định về người chịu trách nhiệm với cơ sở gây ô nhiễm do các ngân hàng châu Âu lo ngại đây sẽ trở thành một CERCLA thứ hai. Sau khi Chỉ thị này có hiệu lực (từ tháng 4/2004), các nước thành viên của EC có ba năm để xây dựng luật tại quốc gia mình. Tuy nhiên, đến tháng 07/2010 việc này mới được hoàn tất nên đánh giá về hiệu quả thực hiện còn hạn chế.



Bên cạnh việc luật hóa trách nhiệm như các ví dụ ở trên, có một số nỗ lực khác ngoài nhà nước nhằm thúc đẩy trách nhiệm của ngành ngân hàng đối với môi trường và xã hội. Trong đó có thể kể đến Sáng kiến Tài chính của Chương trình Môi trường Liên Hiệp Quốc (UNEPFI), Cam kết Hiệp ước Toàn cầu của Liên Hiệp Quốc (UNGCC), Nguyên tắc Đầu tư có Trách nhiệm của Liên Hiệp Quốc, Nguyên tắc Xích đạo (EP) Nguyên tắc Các-bon, Nguyên tắc Khí hậu, ISO 26000 và một số sáng kiến/dự án khác. Trong đó, EP là bộ chuẩn mực được chính các tổ chức tài chính xây

dụng và cam kết thực hiện. Năm 2002, IFC và 9 ngân hàng quốc tế họp ở London để bàn về trách nhiệm của các ngân hàng đối với tài chính phát triển và quyết định xây dựng một bộ tiêu chuẩn thực hiện trách nhiệm đối với môi trường, xã hội dựa trên các bộ tiêu chuẩn đã có của IFC. EP được chính thức ra đời năm 2003 và đến nay đã có 77 tổ chức tài chính tham gia cam kết. EP được sửa đổi lần thứ nhất năm 2006 và hiện đang được sửa đổi lần thứ hai. Bản thảo sửa đổi lần II đang được đưa ra lấy ý kiến rộng rãi. Hiện nay, EP được xem như bộ chuẩn mực tự nguyện mang tính hướng dẫn tốt nhất đối với các nhà đầu tư tài chính. Một số quốc gia không có một chính sách chung như “Tín dụng xanh” nhưng các ngân hàng thương mại vì nhiều lý do có thể tự nguyện cam kết thực hiện các bộ tiêu chuẩn này.